Chi tiết mã HS 9209.91.10

Mã HS	9209.91.10
Mô tả hàng hóa	Các bộ phận (ví dụ, bộ phận cơ cho hộp nhạc) và các phụ kiện (ví dụ, thẻ (card), đĩa và trục quay dùng cho nhạc cụ cơ học) của nhạc cụ; máy nhịp, thanh mẫu, tiêu và sáo các loại / - Loại khác: / - - Bộ phận và phụ kiện của đàn piano: / - - - Tấm đỡ đàn dây, đàn phím và khung kim loại của đàn piano loại đứng
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 14:17:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/92099110/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18398
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18398
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18398
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17728
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17657
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17657
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17657
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17657
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17657
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17657
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17713
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17713
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17713
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17713

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17713
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17713
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17714
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17714
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17714
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17714
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17714
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17714
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17719
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17675
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17671
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17671
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17671
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17671
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17671
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17671
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17717
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17717
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17717
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17717
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17717
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17717
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17779
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17779
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17779
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17779

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17779
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17779
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17757
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17757
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17757
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17757
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17757
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17757
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17750
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17750
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17750
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17750
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17750
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17750
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17780
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17780
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17780
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17780
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17780
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17780
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17779
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17779
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17779
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17779
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17779
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17779

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17873
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17873
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17873
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17873
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17873
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17873
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17873
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17742
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17742
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17742
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17742
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17742
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17742
RCEP B	2022	2022	0	B!D17742
RCEP B	2023	2023	0	B!E17742
RCEP B	2024	2024	0	B!F17742
RCEP B	2025	2025	0	B!G17742
RCEP B	2026	2026	0	B!H17742
RCEP B	2027	2027	0	B!I17742
RCEP C	2022	2022	0	C!D17740
RCEP C	2023	2023	0	C!E17740
RCEP C	2024	2024	0	C!F17740
RCEP C	2025	2025	0	C!G17740
RCEP C	2026	2026	0	C!H17740
RCEP C	2027	2027	0	C!I17740
RCEP D	2022	2022	0	D!D17739

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17739
RCEP D	2024	2024	0	D!F17739
RCEP D	2025	2025	0	D!G17739
RCEP D	2026	2026	0	D!H17739
RCEP D	2027	2027	0	D!I17739
RCEP E	2022	2022	0	E!D17743
RCEP E	2023	2023	0	E!E17743
RCEP E	2024	2024	0	E!F17743
RCEP E	2025	2025	0	E!G17743
RCEP E	2026	2026	0	E!H17743
RCEP E	2027	2027	0	E!I17743
RCEP F	2022	2022	0	F!D17742
RCEP F	2023	2023	0	F!E17742
RCEP F	2024	2024	0	F!F17742
RCEP F	2025	2025	0	F!G17742
RCEP F	2026	2026	0	F!H17742
RCEP F	2027	2027	0	F!I17742
VIFTA	2024	2024	2,6	VI!F16625
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G16625
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H16625
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I16625

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9209.91 có 2 dòng thuế; dòng 9209.91.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Tấm đỡ đàn dây, đàn phím và khung kim loại của đàn piano loại đứng.	9209.91.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9209.91.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 9209.91.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18398), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.